

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 234/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - Ông Nguyễn Văn Trí;
 - Ông Trương Phước Công.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 399/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 404/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1992; địa chỉ: khóm T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim C trình bày, bà C và ông T do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2012, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C ngày 01/6/2012. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được 02 con

chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 13/7/2010 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 27/3/2019. Hiện tại, các cháu đang được bà C chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã nhau, không quan tâm đến vợ con, ông T thường hay nhậu về đánh tôi nhưng do lâu nên không nhớ rõ thời gian xảy ra bạo lực gia đình. Mâu thuẫn gia đình không biết chỉ nội bộ gia đình biết và dàn xếp. Bà C và ông T không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2022 đến nay, không liên lạc và tới lui thăm nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà C yêu cầu ly hôn với ông T; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, ông T không phải cấp dưỡng nuôi dạy các con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tờ tự khai của bà Võ Thị Kim C; Bản sao căn cước công dân Võ Thị Kim C; Giấy khai sinh số 137/2012, quyển số 02, ngày 01/6/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn M cấp đối với Nguyễn Quốc T1 (bản sao); Giấy khai sinh số 69, ngày 10/4/2019 do Ủy ban nhân dân thị trấn M cấp đối với Nguyễn Quốc A (bản sao) và Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2012, quyển số 02, ngày 01/6/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C cấp đối với bà Võ Thị Kim C và ông Nguyễn Quốc T (bản chính).

- Bị đơn ông Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Võ Thị Kim C có đơn yêu cầu được vắng mặt xét xử và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà

Võ Thị Kim C đối với ông Nguyễn Quốc T; bà C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 13/7/2010 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 27/3/2019; ông T không phải cấp dưỡng nuôi dạy các con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc T, ông T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Võ Thị Kim C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Quốc T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Võ Thị Kim C khai, bà C và ông T do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn M ngày 01/6/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà C xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã nhau, không quan tâm đến vợ con, ông T thường hay nhậu về đánh bà C. Bà C và ông T không còn sống chung với nhau năm 2022 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông T hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã nhau, không quan tâm đến vợ con và không còn sống chung từ năm 2022 đến nay, không tới lui thăm nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà C. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà C và ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà C xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 13/7/2010 và Nguyễn

Quốc A, sinh ngày 27/3/2019. Bà C yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét thấy, cháu T1 và cháu A đang được bà C chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Theo biên bản ghi nhận ý kiến của cháu T1 do Cán bộ Tòa án lập ngày 14/6/2024, cháu có nguyện vọng sống cùng với bà C sau khi bà C và ông T ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu T1 và cháu A cho bà C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim C đối với ông Nguyễn Quốc T.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2012, quyển số 02, ngày 01/6/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C cấp đối với bà Võ Thị Kim C và ông Nguyễn Quốc T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Võ Thị Kim C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 13/7/2010 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 27/3/2019. Ông Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi dạy các con chung.

Bà Võ Thị Kim C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Quốc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Võ Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015530 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 5 năm 2024; bà Võ Thị Kim C đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Quốc T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết, bà Võ Thị Kim C, ông Nguyễn Quốc T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm

